TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 868/2019/KDTM-PT
Ngày: 02-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: **Bà Biện Thị Hoa**

Bà Nguyễn Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 24 tháng 9 và 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 113/2018/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2018/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3173/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NT

Địa chỉ: Số 198 đường TQK, Phường LTT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Minh V; địa chỉ: Tòa nhà VBB, số 5 đường CTML, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 4211/UQ-HCM/KHDN2 lập ngày 16/7/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM

Địa chỉ: Số 54 Bis đường NĐC, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Minh H; địa chỉ: Số 54 Bis đường NĐC, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 01/19/UQ ngày 16/7/2019) (có mặt).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP NT có ông Phạm Minh V là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM tiền thân là Công ty Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu Tổng hợp ĐTM, trực thuộc Bộ Kinh Tế Đối Ngoại được thành lập theo Quyết định số 63–CT ngày 18/3/1989 có trụ sở chính tại 54 Bis đường NĐC, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM vào ngày 12/01/2007 (gọi tắt là Công ty ĐTM).

Vào năm 1989, Công ty ĐTM đề nghị mở nhiều thư tín dụng (LC) tại Ngân hàng TMCP NT (gọi tắt là Ngân hàng NT) để hoạt động kinh doanh nhập khẩu mua hàng từ Nhật Bản, nhưng quá trình thực hiện Công ty ĐTM không thanh toán đầy đủ và còn nợ hai khoản nợ LC cụ thể như sau:

- Khoản nợ LC số 024S289LC1061: Căn cứ đơn xin bảo lãnh kiêm cam kết trả nợ số 230/XNK.89 ngày 14/11/1989 của Công ty ĐTM, ngày 18/11/1989 Ngân hàng NT đã mở LC số 024S289LC1061 trả chậm trị giá 92.500.000 JPY (Yên Nhật) để Công ty ĐTM nhập 50 xe ô tô 15 chỗ ngồi. Sau đó đơn vị bán là Công ty Velk Trading Corporation đã gửi hai hối phiếu yêu cầu thanh toán LLJAEN 2878917INO và LLJAEN 2875071INO tổng cộng là 92.500.000 JPY cùng phát hành ngày 12/03/1990, ngày đáo hạn 08/9/1990. Ngày 19/4/1990, Công ty ĐTM có công văn số 158/XNK.90 xác nhận đồng ý thanh toán hai hối phiếu khi đến hạn ngày 08/9/1990. Đến hạn, Công ty ĐTM chỉ thanh toán được 21.466.514 JPY, còn lại 71.033.486 JPY. Đối với LC này đến ngày 27/12/2005, Ngân hàng thu hồi thêm được 5.655.999 JPY nên dư nợ của Công ty ĐTM còn lại là 65.377.487 JPY. Toàn bộ 50 xe ô tô 15 chỗ nhập về Công ty ĐTM đã bán hết.

- Khoản nợ LC số 024S289LC0492: Căn cứ đơn xin mở tín dụng thư số 734/89/KTT-NK ngày 29/6/1989 của Công ty Xuất Nhập khẩu TH (được Công ty ĐTM ủy thác) về việc nhập thiết bị đồng bộ cho 03 nhà máy xay lúa Yanmar cho Công ty ĐTM để bán cho ba tỉnh Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, ngày 04/7/1989, Ngân hàng NT mở LC số 024S289LC0492 trả chậm trị giá 268.437.650 JPY. Sau đó đơn vị bán là Công ty Velk Trading Corporation gửi sáu hối phiếu yêu cầu thanh toán được công ty nhập khẩu thiết bị cho Công ty ĐTM chấp nhận thanh toán tổng cộng là 268.437.650 JPY, gồm:

1) LLJPEN 2769719INO phát hành ngày 01/11/1989 trị giá 12.500.489 JPY, đáo hạn ngày 27/10/1990;

2) LLJPEN 2771845INO phát hành ngày 08/11/1989 trị giá 41.187.041 JPY, đáo hạn ngày 03/11/1990;

3) LLJPEN 2769743INO phát hành ngày 01/11/1989 trị giá 25.000.979 JPY, đáo hạn ngày 25/4/1991;

4) LLJPEN 2771837INO phát hành ngày 08/11/1989 trị giá 82.374.081 JPY, đáo hạn ngày 02/5/1991;

5) LLJPEN 2771829INO phát hành ngày 08/11/1989 trị giá 82.374.081 JPY, đáo hạn ngày 29/10/1991;

6) LLJPEN 2769751INO phát hành ngày 01/11/1989 trị giá 25.000.979 JPY, đáo hạn ngày 22/10/1991.

Đến hạn, Công ty ĐTM chỉ thanh toán được một phần nợ của sáu hối phiếu nêu trên là 25.490.203 JPY, còn lại 242.947.447 JPY. Đối với LC này, quá trình Ngân hàng NT đàm phán thoả thuận các đơn vị của Nhật Bản đã đồng ý cho thanh toán 95% nợ gốc, xoá lãi, phí nên số dư nợ là 230.800.075 JPY.

Toàn bộ khoản nợ hai LC của Công ty ĐTM đều không có tài sản bảo đảm. Từ khi Ngân hàng NT chấp thuận mở hai LC này, Công ty ĐTM không thanh toán được nợ để Ngân hàng NT chuyển trả cho nước ngoài theo thông lệ thanh toán quốc tế, mặc dù Ngân hàng NT liên tục gửi công văn đôn đốc và mời họp, lập biên bản làm việc với Công ty ĐTM để tìm mọi biện pháp sớm trả nợ nhưng Công ty ĐTM vẫn không thanh toán hết nợ. Quá trình xử lý nợ kéo dài, phía Nhật Bản đã gây áp lực đến Chính phủ Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước phối hợp cùng các bộ ngành liên quan tiến hành đàm phán với Công ty Bảo hiểm Xuất khẩu và Đầu tư (NEXI) và Sumitomo Corporation (SC) của Nhật Bản để đàm phán xử lý nợ của Công ty ĐTM. Ngày 30/11/2004, Ngân hàng NT đã ứng vốn thanh toán cho NEXI và SC hai khoản nợ LC của Công ty ĐTM là 301.833.561 JPY.

Ngày 11/8/2005, Ngân hàng NT có Thông báo số 962/NHNT.CN yêu cầu Ngân hàng NT-HCM thu nợ LC tồn động đối với các đơn vị Ngân hàng NT đã ứng vốn trả thay theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 24/11/2005, Ngân hàng NT-HCM có Thông báo số 859/HCM-TSCN gửi Công ty ĐTM về việc nhận nợ vay bắt buộc đối với hai LC số 024S289LC1061 và LC số 024S289LC0492 nhưng Công ty ĐTM không chịu ký hợp đồng nhận nợ. Đến ngày 27/12/2005 thì Công ty ĐTM chỉ thanh toán cho Ngân hàng NT-HCM số tiền là 5.655.999 JPY. Giữa Ngân hàng NT-HCM và Công ty ĐTM nhiều lần trao đổi, làm việc với ba tỉnh Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp để xử lý giải quyết thu nợ đối với khoản nợ LC nhập thiết bị cho 03 nhà máy xay lúa Yamar nhưng không có kết quả.

Như vậy, dư nợ của Công ty ĐTM đối với hai LC số 024S289LC1061 là 65.377.487 JPY + LC số 024S289LC0492 là 230.800.075 JPY = 296.177.562 JPY (Yên Nhật). Số dư nợ này Ngân hàng NT đã thông báo cho Công ty ĐTM bằng văn bản số 808HCM-TSCN ngày 07/11/2005 theo công văn số 518/Công ty ĐTM-KT ngày 04/11/2005 của Công ty ĐTM đề nghị thông báo dư nợ các LC quá hạn tại Ngân hàng NT để phục vụ kiểm toán.

Do đó, Ngân hàng NT khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty ĐTM phải thanh toán số tiền mà Ngân hàng NT đã trả thay cho Nhật Bản phát sinh từ hai LC nói trên tổng số tiền là 296.177.562 JPY (Yên Nhật) ngay sau khi

bản án có hiệu lực pháp luật, và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo ý kiến của đại diện bị đơn.

** Bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM có bà Nguyễn Bích Th là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Đối với các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng NT cung cấp trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định vào năm 1989 giữa Công ty ĐTM và Ngân hàng NT xác lập hai thư tín dụng LC số 024S289LC1061 và LC số 024S289LC0492 nêu trên. Hiện nay, Công ty ĐTM không còn lưu trữ tài liệu gì về hai khoản nợ này nên Công ty ĐTM không thể cung cấp thêm chứng cứ gì cho Toà án. Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bà cho rằng giữa Công ty ĐTM và Ngân hàng NT đã phối hợp trao đổi về hướng giải quyết đối với hai khoản nợ LC này nhiều lần đến năm 2005 nhưng không đạt được thỏa thuận chung. Từ năm 2005 cho đến nay các bên không có bất kỳ liên lạc, thương lượng, xác nhận nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ từ hai LC này. Đồng thời, từ năm 2007 khi Công ty ĐTM thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty ĐTM đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp nhận loại bỏ khoản nợ này ra khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa nên bà đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 429 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT vì quan hệ hợp đồng tín dụng đã quá thời hạn 03 năm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2018/KDTM-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu ĐTM phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT số tiền 296.177.562 JPY (Yên Nhật) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2019, bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM vẫn giữ nguyên kháng cáo và trình bày các lý do sau đây:

Thứ nhất, Ngân hàng NT khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, không nhân danh nhà nước để đòi tài sản của nhà nước nên đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 150, 154 và 429 Bộ luật Dân sự 2015.

Thứ hai, Ngân hàng NT khởi kiện, yêu cầu Công ty ĐTM thanh toán nợ phát sinh từ LC số 024S289LC1061 và LC số 024S289LC0492 do Ngân hàng NT phát hành năm 1989, tới hạn năm 1990, 1991 thời điểm Ngân hàng NT là Ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước 100% vốn điều lệ nhưng Ngân hàng NT không cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, không cung cấp báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký kinh doanh năm 2008 sau khi cổ phần hoá nên chưa chứng minh được khoản phải thu đã được đưa vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá và có quyền tiếp tục đòi nợ.

Thứ ba, căn cứ các tài liệu về hai LC thì Nhà thụ hưởng là Công ty VELK Trading Corporation, là người có quyền nhận số tiền thanh toán từ hai LC nhưng đơn vị được nhận các khoản tiền từ Ngân hàng NT là Công ty Nexi và Công ty Sumitomo. Ngân hàng NT chưa chứng minh được Nexi và Sumitomo là hai đơn vị có quyền thay Công ty Velk Trading Corporation nhận khoản tiền từ hai LC; cũng không đủ chứng minh Ngân hàng NT đã thanh toán tiền nợ đúng cho Nhà thụ hưởng trên hai LC để có quyền truy đòi Nhà cho lệnh phát hành LC.

Thứ tư, đối với LC số 024S289LC0492, khi đơn vị đề nghị mở Thư tín dụng là Công ty TH không trả tiền cho Ngân hàng NT, Ngân hàng NT có quyền khởi kiện Công ty TH yêu cầu thanh toán; Ngân hàng NT không có quyền đòi nợ trực tiếp Công ty ĐTM vì Công ty ĐTM không phải là đơn vị đề nghị mở Thư tín dụng, cũng không có bất kỳ văn bản nào nhận nợ thay cho Công ty Công ty TH.

Thứ năm, đối với LC số 024S289LC1061, hiện tại Công ty ĐTM không lưu trữ các hồ sơ tín dụng liên quan đến LC này, tuy nhiên, căn cứ công văn số: 98/NHNT-BCN của Ngân hàng Ngoại thương Tp Hồ Chí Minh ngày 17/10/1995, có ghi: "Căn cứ Đơn xin mở Tín dụng thư ngày 15.11.1999 của Công ty Công ty TH nhập uỷ thác cho Công ty Công ty ĐTM, Ngân hàng NT đã mở L/C số 1061/89 nhập 50 xe ô tô Toyota 15 chỗ ngồi trị giá 92.500.000 yen...", Ngân hàng NT cũng không cung cấp hồ sơ mở LC này đầy đủ nên không khẳng định được chính xác Ngân hàng NT có quyền yêu cầu Công ty ĐTM thanh toán tiền trực tiếp đối với LC này.

Từ căn cứ nêu trên, Công ty ĐTM đề nghị Toà án cấp phúc thẩm:

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện và/hoặc vì nguyên đơn không có quyền khởi kiện và/hoặc nguyên đơn khởi kiện sai đối tượng.

- Trong trường hợp Tòa án không hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thì yêu cầu tòa án hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại để triệu tập các bên có liên quan đến vụ kiện tham gia làm rõ các chi tiết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng NT không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, với các lý do sau đây:

Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng NT khởi kiện đòi tài sản cụ thể là số tiền đã ứng trả cho nước ngoài thay cho Công ty ĐTM nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định. Hơn nữa, Ngân hàng NT từ trước và sau khi cổ phần hóa vẫn là doanh nghiệp nhà nước do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 160 Bộ luật dân sự 2005 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi tài sản của nhà nước.

Theo các tài liệu Ngân hàng NT đã cung cấp cho Tòa án thì Công ty Công ty TH chỉ là đơn vị được Công ty ĐTM ủy thác nhập 03 thiết bị đồng bộ nhà máy xay xát theo LC số 024S289LC0492 để cung cấp hàng hóa theo các hợp đồng mà Công ty ĐTM đã ký với 03 tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp. Tại các Công văn số 242/KTTV-92 ngày 24/09/1992, Công văn số 046/XNK ngày 01/03/1993, Công văn số 144/KTTV-94 ngày 11/06/1994, Công văn số 76/CV ngày 18/03/1995 và Công văn số 294/CV-95 ngày 21/10/1995 của Công ty ĐTM gửi Ngân hàng NT thể hiện đối với LC 024S289LC1061 Công ty ĐTM luôn khẳng định mình có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng NT để trả nợ nước ngoài; đối với LC 024S289LC0492 Công ty ĐTM luôn khẳng định 03 Tỉnh còn nợ mình và đang gặp nhiều khó khăn không trả được nợ cho Công ty ĐTM để Công ty ĐTM trả nợ LC này cho ngân hàng,

Tại Công văn số 421/KTTV ngày 19/09/2001 Công ty ĐTM gửi Ngân hàng NT nói rằng đã đối chiếu xác nhận nợ với 03 tỉnh về công nợ nhập thiết bị xay xát nhà máy Yanma và xác nhận còn nợ Ngân hàng NT khoản mở LC 024S289LC0492 trị giá 268.437.650 JPY. Từ ngày 11/05/1992 đến 13/02/1994 đã thanh toán số tiền 25.490.203 JPY và số dư nợ còn lại là 242.947.447 JPY. Ngoài ra tại các đơn xin trích tài khoản ngoại tệ ngày 04/09/1991 và ngày 08/05/1992 của Công ty ĐTM gửi cho Ngân hàng NT-CN HCM luôn khẳng định có nợ và đề nghị trích tài khoản của Công ty để thanh toán nợ thuộc LC 024S289LC0492. Tại Công văn số 310/KTTV ngày 30/11/1992 của Công ty ĐTM kèm theo thẻ xác nhân nợ số 165470 ngày 30/10/1992 Công ty ĐTM đã ghi rõ: "Về nợ bảo lãnh L/c 0492 và L/c 1061 Công ty ĐTM chỉ xác nhận thanh toán nợ vốn đến 30/04/1991, phần lãi quá hạn chúng tôi sẽ thương lượng với khách hàng sau, cụ thể: L/c số 0492 xác nhận thanh toán: 59.089.511 JPY; L/c số 1061 xác nhận thanh toán: 74.390.335 JPY. Cộng: 133.479.846 JPY".

Tổng hợp các công văn trên cho thấy vai trò của Công ty TH chỉ là đơn vị đứng ra nhập ủy thác theo đề nghị của Công ty ĐTM chứ không có vai trò trả nợ cho Ngân hàng NT vì Công ty ĐTM đã là chủ nợ của 03 Tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp đồng thời cũng thừa nhận là khách nợ của Ngân hàng NT đối với cả 02 LC nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Đối với LC số 024S289LC1061, Ngân hàng NT đã cung cấp các tài liệu sau đây: Đơn xin bảo lãnh kiêm cam kết trả nợ số 230/XNK.89 ngày 14/11/1989 kèm Phương án cân đối trả nợ hàng nhập của Công ty ĐTM, Đơn xin mở tín dụng thư ngày 15/11/1989 của Công ty ĐTM, hai "Bill of Exchange" số LLJAEN2878917INO và số LLJAEN2875071INO của Velk Trading Corporation cùng phát hành ngày 12/03/1990 cùng đáo hạn ngày 08/9/1990 (hồ sơ không có bản dịch hợp lệ hai tài liệu này); Công văn số 158/XNK.90 ngày 19/4/1990 của Công ty ĐTM đồng ý hai hối phiếu của Công ty Velk Trading Corporation và thanh toán khi đến hạn vào ngày 08/9/1990. Do đó, có cơ sở xác định Công ty ĐTM là người có trách nhiệm thanh toán cho Velk Trading Corporation đối với LC số 024S289LC1061 theo hai Hối phiếu số LLJAEN2878917INO và số LLJAEN2875071INO của Velk Trading Corporation.

[2.2] Đối với LC số 024S289LC0492, Ngân hàng NT đã cung cấp các tài liệu sau đây: Đơn xin mở tín dụng thư số 734/89/KTT-NK ngày 29/6/1989 của Công ty Xuất Nhập khẩu TH, sáu Hối phiếu số LLJPEN2769719INO phát hành ngày 01/11/1989 đáo hạn ngày 27/10/1990, số LLJPEN 2771845INO phát hành ngày 08/11/1989 đáo hạn ngày 03/11/1990, số LLJPEN 2769743INO phát hành ngày 01/11/1989 đáo hạn ngày 25/4/1991, số LLJPEN 2771837INO phát hành ngày 08/11/1989 đáo hạn ngày 02/5/1991, số LLJPEN 2771829INO phát hành ngày 08/11/1989 đáo hạn ngày 29/10/1991, số LLJPEN 2769751INO phát hành ngày 01/11/1989 đáo hạn ngày 22/10/1991, sáu Công văn cùng ngày 26/12/1989 của Công ty Xuất Nhập khẩu TH chấp nhận sáu hối phiếu thuộc LC số 024S289LC0492 và Hợp đồng số 10/GENE-VLK/89 ngày 28/6/1989 giữa bên mua là Công ty Xuất Nhập khẩu TH và bên bán là Velk Trading Corporation.

Tại Đơn xin mở tín dụng thư số 734/89/KTT-NK ngày 29/6/1989 của Công ty Xuất Nhập khẩu TH (sau đây gọi tắt là Công ty TH) có thể hiện các nội dung sau đây: Đơn xin mở tín dụng thư theo Hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 27-89/KD-NK/29/6/89; Liên quan đến lô hàng sau đây: YANMAR RICE MILL PLANT Capacity: 5-6 ton/hr in paddy with consumption parts (Origin: Japan and Thailan) Details are as per ANNEX No.02 to contract No.10/GENE-VLK/89" (hồ sơ không có bản dịch hợp lệ tài liệu này). Trong quá trình giải

quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn Công ty ĐTM cung cấp Hợp đồng ủy thác nhập khẩu ngày 29/6/1989 có nội dung: Bên ủy thác Công ty ĐTM, bên nhận ủy thác Công ty TH; Điều 1 – Tên hàng: Thiết bị đồng bộ mới cho 3 nhà máy xay lúa YANMAR; Điều 2 – Số lượng: 3 bộ thiết bị đồng bộ + 3 lô phụ tùng cho 3 nhà máy; Điều 3 – Quy cách sản phẩm: Sản phẩm mới, chi tiết theo Hợp đồng ngoại số 10/GENE-VLK/89. Công suất: 5-6 tấn lúa/giờ".

Do đó, có cơ sở xác định việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ LC số 024S289LC0492 có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty TH, cần thiết phải đưa Công ty TH hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NT cho rằng Công ty ĐTM đã nhận nợ, Công ty TH chỉ là đơn vị đứng ra nhập ủy thác theo đề nghị của Công ty ĐTM chứ không có vai trò trả nợ cho Ngân hàng NT nên không cần thiết phải đưa Công ty TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là không có cơ sở. Bởi lẽ, đây chỉ là ý kiến một phía của Ngân hàng NT và việc Công ty ĐTM nhận nợ (nếu có) mà chưa có ý kiến của Công ty TH cũng không là căn cứ để xác định việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ LC số 024S289LC0492 không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty TH.

[2.3] Về việc Ngân hàng NT thanh toán khoản nợ của hai LC số 024S289LC1061 và số 024S289LC0492, Ngân hàng NT đã cung cấp các tài liệu sau đây: Biên bản họp ngày 17/11/2004 và Hợp đồng ngày 19/11/2004 cả hai văn bản được lập giữa Nippon Export anh Investment ("NEXI") và Sumitomo Corporation ("SC"), có nội dung thỏa thuận việc Ngân hàng NT thanh toán nợ cho NEXI và SC đối với những Thư tín dụng chưa thanh toán mô tả trong hai Phụ lục kèm theo hợp đồng; các "Phieu chuyen khoan" số 5902-5013, số 5902-5014, số 5902-5015, số 5902-5016, số 5902-5017 cùng ngày 01/12/2004 và số 2699-5007 ngày 02/01/2005; hai "Number Telex" số 140411300080 và số 140411300081 cùng ngày 30/11/2004; và Công văn số 962/NNNT.CN ngày 11/8/2005 của Ngân hàng NT.

Xét các tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, Biên bản họp ngày 17/11/2004 và Hợp đồng ngày 19/11/2004 có hai phụ lục kèm theo (hồ sơ không có bản dịch hợp lệ hai phụ lục này) không thể hiện căn cứ cho việc NEXI và SC có quyền được nhận khoản tiền thanh toán từ hai LC số 024S289LC1061 và số 024S289LC0492 theo các Hối phiếu do Công ty Velk Trading Corporation phát hành; nội dung năm "Phieu chuyen khoan" không thể hiện rõ việc chuyển khoản cho ai và lý do chuyển khoản; hai "Number Telex" số 140411300080 và số 140411300081 bằng tiếng nước ngoài không kèm theo bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp nên không có cơ sở xem xét. Do đó, các tài liệu do Ngân hàng NT cung cấp chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định NEXI và SC có quyền thỏa thuận, có quyền nhận khoản tiền thanh toán từ hai LC số 024S289LC1061 và số 024S289LC0492 theo các Hối phiếu do Công ty Velk

Trading Corporation phát hành; cũng như chưa xác định được Ngân hàng NT đã chuyển tiền cho NEXI và SC như Ngân hàng NT trình bày.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ có thiếu sót, chưa được thực hiện đầy đủ và việc chứng minh chưa có cơ sở vững chắc, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Xuất Nhập khẩu TH hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty Xuất Nhập khẩu TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để khắc phục các thiếu sót như đã phân tích nêu trên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2018/KDTM-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu ĐTM theo Biên lai thu số 0023623 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ủ Thị Bạch Yến